

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện  
Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Ninh Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26/12/2002;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15/11/2010 của Thủ Tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ Ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại quốc gia;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Tờ trình số 1271/TTr-SCT ngày 22/10/2015 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 169/STP/BC-STP ngày 13/8/2015,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Ninh Bình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Công thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *BN*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Công thương, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP3, VP5.

NN/

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyễn Ngọc Thạch*  
**Nguyễn Ngọc Thạch**

**QUY CHẾ**

**Xây dựng, quản lý và thực hiện  
Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Ninh Bình**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 33 /2015/QĐ-UBND  
ngày 03 tháng 12 năm 2015 của UBND tỉnh Ninh Bình)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi tắt là Chương trình).
2. Quy chế này áp dụng đối với cơ quan quản lý Chương trình, các đơn vị chủ trì thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại thuộc Chương trình, các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước.

**Điều 2. Mục tiêu Chương trình**

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển xuất khẩu, mở rộng thị trường trong nước.
2. Hỗ trợ công tác quy hoạch, vận hành hạ tầng thương mại.
3. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất; tăng cường khả năng cạnh tranh, nâng cao lợi thế thương mại một số sản phẩm chủ lực của tỉnh.
4. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch.

**Điều 3. Đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại**

1. Đơn vị chủ trì hoạt động xúc tiến thương mại (sau đây gọi tắt là đơn vị chủ trì) bao gồm: Các tổ chức xúc tiến thương mại của tỉnh; các đơn vị thuộc các sở, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện); Liên minh Hợp tác xã; Hiệp hội doanh nghiệp có hoạt động xúc tiến thương mại phù hợp với Chương trình và được UBND tỉnh phê duyệt.
2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:
  - a) Có tư cách pháp nhân;
  - b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình;
  - c) Có nội dung xúc tiến thương mại thiết thực, phù hợp với nội dung Chương trình quy định tại Điều 8, Điều 9 Quy chế này;
  - d) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất - kinh doanh;

- d) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại;
- e) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Các đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của Nhà nước.

#### **Điều 4. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình**

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là đơn vị tham gia) là các doanh nghiệp, các hợp tác xã, các tổ chức xúc tiến thương mại trong tỉnh được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành. Đơn vị tham gia được hỗ trợ kinh phí thực hiện theo Quy chế này, chịu trách nhiệm thực hiện hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

2. Đơn vị tham gia phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có trụ sở chính (hoặc chi nhánh) và có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại tỉnh Ninh Bình;

b) Có văn bản đề nghị tham gia Chương trình và kế hoạch tham gia Chương trình gửi đến đơn vị chủ trì trong thời hạn quy định;

c) Trực tiếp tham gia Chương trình;

d) Ưu tiên xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, nông sản chế biến; hỗ trợ phát triển sản phẩm đặc sản, hàng lưu niệm phục vụ khách du lịch, các hoạt động phát triển hệ thống phân phối, phát triển thương mại điện tử; phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; an toàn vệ sinh thực phẩm...

#### **Điều 5. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình**

1. Sở Công thương là cơ quan được UBND tỉnh giao trách nhiệm quản lý Nhà nước về Chương trình, có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện triển khai thực hiện Quy chế và chỉ đạo thực hiện Chương trình;

b) Thẩm định, phê duyệt các đề án xúc tiến thương mại do Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại xây dựng;

d) Tổ chức giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án đã được phê duyệt;

đ) Tổng hợp đánh giá kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh.

2. Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại là đơn vị tổ chức thực hiện các đề án xúc tiến thương mại, có trách nhiệm:

a) Chủ trì hướng dẫn xây dựng đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này;

b) Tiếp nhận, thẩm định đánh giá sơ bộ các đề án xúc tiến thương mại của các đơn vị chủ trì xây dựng; trình Sở Công thương thẩm định, phê duyệt;

c) Tiếp nhận, quản lý kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước cấp cho Chương trình (bao gồm kinh phí Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trực tiếp thực hiện và kinh phí hợp đồng đối với các đơn vị chủ trì);

d) Báo cáo tiến độ thực hiện Chương trình và thực hiện quyết toán kinh phí theo quy định.

#### **Điều 6. Kinh phí thực hiện Chương trình**

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách tỉnh cấp hỗ trợ hàng năm theo kế hoạch;
- b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình;
- c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

2. Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình theo nguyên tắc:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại;

b) Hỗ trợ kinh phí cho đơn vị tham gia thông qua các đơn vị chủ trì;

c) Các đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm huy động các nguồn vốn kết hợp với phân ngân sách hỗ trợ để đảm bảo thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại.

#### **Điều 7. Trình tự, thủ tục cấp và quản lý kinh phí thực hiện Chương trình**

1. Căn cứ dự toán chi ngân sách được UBND tỉnh giao hàng năm, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại đề nghị Sở Tài chính thẩm định dự toán.

2. Sở Tài chính thẩm định và thông báo lần đầu tối đa 70% dự toán Ngân sách Nhà nước hỗ trợ; khi có báo cáo quyết toán thì thông báo tiếp phần kinh phí còn lại hoặc thu hồi phần kinh phí đã cấp nếu không thực hiện hết.

3. Căn cứ vào thông báo kinh phí của Sở Tài chính, Trung tâm khuyến công và Xúc tiến thương mại thực hiện:

a) Rút dự toán Ngân sách Nhà nước tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch (đối với trường hợp Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trực tiếp thực hiện).

b) Cấp tạm ứng, thanh toán cho các đơn vị chủ trì vào tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị giao dịch (đối với trường hợp Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại ký hợp đồng với các đơn vị chủ trì).

4. Các khoản chi phải theo đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và phạm vi hỗ trợ kinh phí cho nội dung Chương trình theo quy định tại Quyết định này.

5. Thực hiện đấu thầu theo quy định Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan về mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân và quy định của pháp luật có liên quan.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG, MỨC HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**

**Điều 8. Nội dung, mức hỗ trợ đối với các hoạt động xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu**

1. Hỗ trợ “Thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo các ngành hàng”: Hỗ trợ 70% các khoản chi phí, gồm:

- Chi phí mua tư liệu;
- Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;
- Chi phí xuất bản và phát hành;
- Các khoản chi khác (nếu có).

- Mức hỗ trợ tối đa cho nội dung này không quá 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng)/đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

2. Chi hỗ trợ “Hoạt động Tuyên truyền xuất khẩu”:

a) Quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý nổi tiếng của địa phương ra thị trường nước ngoài; quảng bá, hỗ trợ thâm nhập thị trường nước ngoài đối với thương hiệu các hàng hóa, dịch vụ đặc trưng của tỉnh Ninh Bình: Hỗ trợ 70% chi phí theo hợp đồng, gồm:

- Chi phí thiết kế, xây dựng kế hoạch, nội dung truyền thông;
- Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành trong nước và nước ngoài để giới thiệu, quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý hàng hoá, dịch vụ đặc trưng của tỉnh.

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông trong và ngoài nước đến Ninh Bình để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu của tỉnh theo hợp đồng trọn gói: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm truyền thông hoàn thành (đoạn phim đã phát sóng, bài viết, ấn phẩm đã đăng).

3. Hoạt động “Thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm để phát triển thị trường xuất khẩu”.

a) Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn: Hỗ trợ 70% chi phí sản phẩm tư vấn hoàn thành;

b) Tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp: Hỗ trợ 100% chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, nhân bản tài liệu tư vấn, biên dịch, phiên dịch, phương tiện đi lại, thù lao cho chuyên gia;

Mức hỗ trợ tối đa 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/đơn vị tham gia.

4. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại cho các tổ chức xúc tiến thương mại chính phủ và phi chính phủ, doanh nghiệp, hợp tác xã.

Hỗ trợ 50% kinh phí đối với doanh nghiệp, hợp tác xã; hỗ trợ 100% kinh phí đối với các cơ quan nhà nước. Các khoản chi hỗ trợ gồm:

a) Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên, các khoản chi khác (nếu có);

b) Học phí trọn gói của khoá học.

5. Hỗ trợ "Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại"

a) Tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài:

- Hỗ trợ 100% các khoản chi phí theo quy định đối với các thành viên tham gia đoàn là cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước;

- Hỗ trợ 50% các khoản chi phí cho các đơn vị không phải cơ quan Nhà nước tự tổ chức tham gia hội chợ hoặc tham gia cùng với đoàn cơ quan Nhà nước tham gia Hội chợ. Nội dung hỗ trợ, gồm:

+ Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

+ Trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng quốc gia nếu có);

+ Chi phí tổ chức khai mạc (nếu là hội chợ triển lãm riêng của Việt Nam): Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

+ Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả;

+ Trình diễn sản phẩm: Thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch;

+ Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;

+ Các khoản chi khác (nếu có);

Mỗi đơn vị thực hiện không phải là cơ quan nhà nước tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài 1 lần/năm với mức hỗ trợ tối đa 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

b) Tham gia hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu trong nước:

- Hỗ trợ 100% các khoản chi phí đối với đơn vị thực hiện là cơ quan quản lý Nhà nước;

- Hỗ trợ 50% các khoản chi phí đối với các đơn vị tham gia không phải cơ quan Nhà nước, gồm:

+ Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

+ Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa tính trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);

+ Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;

+ Trang trí chung của hội chợ triển lãm;

+ Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

+ Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;

+ Các khoản chi khác (nếu có);

Mỗi đơn vị tham gia được hỗ trợ tối đa 02 lần/năm. Tổng mức hỗ trợ tối đa 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng)/01 đơn vị tham gia 01 hội chợ.

c) Tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch khi tổ chức hội chợ triển lãm nước ngoài và tổ chức hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu tại Việt Nam: Hỗ trợ 100% chi phí sản xuất, phát hành giới thiệu hội chợ triển lãm và các khoản chi khác (nếu có). Mức hỗ trợ tối đa không quá 12% chi phí tổ chức hội chợ quy định tại điểm a, điểm b Khoản 5 Điều 8 quy chế này.

6. Hỗ trợ “Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài”.

a) Hỗ trợ 100% các khoản chi phí theo quy định đối với các thành viên tham gia đoàn là cán bộ, công chức, viên chức.

b) Hỗ trợ 50% các khoản chi phí cho các đơn vị (không phải cơ quan Nhà nước) tự tổ chức đoàn khảo sát thị trường nước ngoài hoặc tham gia cùng với đoàn cơ quan Nhà nước khảo sát thị trường nước ngoài. Nội dung hỗ trợ, gồm:

- Vé máy bay khứ hồi;

- Tổ chức hội thảo giao thương: Thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu;

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;

- Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch;

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa, như sau:

- Hỗ trợ 30 triệu đồng (ba mươi triệu đồng)/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại Châu Á;

- Hỗ trợ 50 triệu đồng (năm mươi triệu đồng)/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á;

- Hỗ trợ 70 triệu đồng (bảy mươi triệu đồng)/01 đơn vị tham gia giao dịch tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

7. Hỗ trợ “Tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp”.

Hỗ trợ 70% chi phí tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp (thương mại kết hợp đầu tư và du lịch) nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ của Ninh Bình ra nước ngoài, đồng thời thu hút đầu tư, khách du lịch nước ngoài đến Ninh Bình. Mức khống chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng quy định tại khoản 5, khoản 6, Điều 8 của Quy chế này.

8. Chi hỗ trợ “Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Ninh Bình giao dịch mua hàng: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

a) Chi phí đón tiếp đoàn doanh nghiệp nước ngoài;

b) Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình;

c) Tuyên truyền quảng bá, mời khách đến tham dự, giao dịch;

d) Các khoản chi khác (nếu có).

9. Chi hỗ trợ “Tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu tại tỉnh”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí sau:

a) Chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu;

b) Chi phí tuyên truyền, quảng bá.

10. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do UBND tỉnh quyết định.

**Điều 9. Nội dung, mức hỗ trợ kinh phí đối với các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường trong nước**

1. Hỗ trợ “Tổ chức, tham gia các hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp; triển lãm hàng thủ công mỹ nghệ, quà tặng, hàng lưu niệm kết hợp hội chợ hàng tiêu dùng tổng hợp, máy móc thiết bị, sản phẩm đặc sản vùng miền của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh”.

a) Đối với hội chợ trong tỉnh:

- Hỗ trợ 100% các khoản chi phí cho đơn vị thực hiện là cơ quan quản lý nhà nước.

- Hỗ trợ 50% các khoản chi phí tổ chức cho các đơn vị không phải cơ quan Nhà nước:

+ Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng;

+ Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ (nếu chưa có trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng);

+ Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm;

+ Trang trí chung của hội chợ triển lãm;

+ Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

+ Tổ chức hội thảo: Chi phí thuê hội trường, thiết bị;

+ Chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu hội chợ triển lãm;

+ Các khoản chi khác (nếu có);

Mức hỗ trợ tối đa 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)/đơn vị tham gia.

b) Đối với nội dung tham gia hội chợ khu vực: Nội dung và mức hỗ trợ như quy định tại nội dung “Tham gia hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu trong nước” tại Khoản 5 Điều 8 Quy chế này.

2. Chi hỗ trợ “Tổ chức các hoạt động bán hàng, thực hiện các chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua doanh nghiệp kinh doanh theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã cung ứng dịch vụ trên địa bàn theo các đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt”: Hỗ trợ 70% các khoản chi phí:

a) Chi phí vận chuyển;

b) Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng;

c) Dịch vụ phục vụ: Điện nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ;

d) Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng;

đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc: Giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng;

e) Chi phí quản lý, nhân công phục vụ;

f) Chi phí tuyên truyền, quảng bá giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng;

g) Các khoản chi khác (nếu có);

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 105.000.000 đồng (một trăm lẻ năm triệu đồng)/01 đợt bán hàng.

3. Chi hỗ trợ “Điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm”: Hỗ trợ 100% các khoản chi phí:

- a) Chi phí mua tư liệu;
- b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu;
- c) Chi phí xuất bản và phát hành;
- d) Các khoản chi khác (nếu có);

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 01 triệu đồng (một triệu đồng)/01 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

4. Chi hỗ trợ “Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hoá và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác: Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 95.000.000 đồng (chín mươi lăm triệu đồng)/01 chuyên đề tuyên truyền.

5. Chi hỗ trợ “Hỗ trợ công tác quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại”: Hỗ trợ 50% các khoản chi phí (nếu chưa được nhà nước cấp kinh phí) liên quan đến công tác lập quy hoạch, quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng thương mại, mua tư liệu nghiên cứu tham khảo.

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này là 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng)/01 cụm, điểm quy hoạch.

6. Chi hỗ trợ “Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: Tháng khuyến mại, tuần hàng Việt Nam, chương trình hàng Việt, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích nhất theo tháng, quý, năm”: Hỗ trợ 50% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại hợp đồng thực hiện đề án, trong phạm vi khoản chi phí quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 6 của Thông tư số 171/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính với mức khống chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng.

7. Chi hỗ trợ “Đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khoá đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước”: Hỗ trợ 100% các khoản chi:

a) Chi phí giảng viên, thuê lớp học, thiết bị giảng dạy, tài liệu cho học viên và các khoản chi khác (nếu có);

b) Hoạch học phí trọn gói của khoá học.

8. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do UBND tỉnh quyết định.

### **Chương III XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

#### **Điều 10. Xây dựng hoạt động xúc tiến thương mại**

1. Các đơn vị chủ trì đề xuất nội dung hoạt động xúc tiến thương mại gửi về Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại trước ngày 15 tháng 8 của năm trước năm kế hoạch.

2. Các hoạt động xúc tiến thương mại phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp;
- b) Phù hợp với định hướng chiến lược xuất khẩu và chiến lược, quy hoạch phát triển thương mại nội địa đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Phù hợp với nội dung quy định tại Điều 8 và Điều 9 Quy chế này;
- d) Đảm bảo tính khả thi về: phương thức triển khai, thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật.

#### **Điều 11. Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt Chương trình**

Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hạn nộp đề xuất nội dung hoạt động xúc tiến thương mại, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại tổng hợp đề xuất của các đơn vị gửi về Sở Công thương; Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức thẩm định các hoạt động xúc tiến thương mại; Sở Tài chính tổng hợp kinh phí hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước vào dự toán Ngân sách Nhà nước, báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh phê duyệt.

#### **Điều 12. Điều chỉnh Chương trình**

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế, tiến độ thực hiện, khả năng hoàn thành Chương trình hoặc theo đề nghị điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án của đơn vị tham gia thực hiện, Sở Công thương tổng hợp, đề xuất, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

### **Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 13. Trách nhiệm của các cấp, các ngành và các đơn vị liên quan**

**1. Trách nhiệm của Sở Công thương và Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại**

a) Sở Công thương

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn và tổ chức thực hiện Quy chế này.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát, kiểm tra việc thực hiện Chương trình, bảo đảm Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ và quy định của pháp luật.

- Hàng năm theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30 tháng 01 năm sau.

- b) Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại
- Trực tiếp thực hiện Quy chế này và quản lý thực hiện Chương trình.
  - Lập dự toán, thực hiện dự toán và quyết toán theo quy định.
  - Hàng năm theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo Sở Công thương trước 25 tháng 01 năm sau.

## **2. Sở Tài chính**

Tổng hợp kinh phí Ngân sách Nhà nước hỗ trợ các hoạt động xúc tiến thương mại, báo cáo UBND tỉnh, trình HĐND tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước; hướng dẫn sử dụng, quyết toán kinh phí theo quy định.

## **3. Các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan**

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Công thương tổ chức thực hiện Quy chế này.

## **4. Các đơn vị chủ trì, đơn vị tham gia thực hiện Chương trình**

- Tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán được duyệt; sử dụng kinh phí hiệu quả;
- Tổ chức hạch toán đầy đủ các khoản thu, chi theo quy định hiện hành;
- Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày hoàn thành hoạt động xúc tiến thương mại, các đơn vị tham gia phải gửi hồ sơ quyết toán về các đơn vị chủ trì;
- Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi hoạt động xúc tiến thương mại, đơn vị chủ trì thực hiện phải gửi báo cáo kết quả thực hiện, chứng từ thu, chi thực tế và báo cáo quyết toán về Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại;

d) Thông tin trung thực tình hình thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp đầy đủ tài liệu, hồ sơ cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định.

## **Điều 14. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Các tổ chức và cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Chương trình được xem xét khen thưởng theo chế độ hiện hành.

2. Các tổ chức và cá nhân có hành vi sai phạm, gian lận để được hưởng các khoản hỗ trợ từ Chương trình này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

Trong quá trình tổ chức thực hiện, khi các văn bản có liên quan của các cơ quan Trung ương có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ hoặc có khó khăn vướng mắc từ các đơn vị liên quan, Sở Công thương tổng hợp, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Thạch**